

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HC-ST

Ngày 24/6/2022

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Tuyên

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HC ngày 04/01/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HC ngày 16/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HC ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1964; Địa chỉ: 184 Đường L, tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Địa chỉ: 112/14 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

3. Ông Lại Hợp Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: 32 Đường D, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

4. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

5. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1980; Địa chỉ: 186 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

6. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1966; Địa chỉ: 182 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

7. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 89 đường Y, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện (theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2022):

1. Ông Nguyễn Mai H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 45/9 Đường R, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

2. Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1978; Địa chỉ: 59 đường Th, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 09 đường D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Lê Minh Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường Đắk Lắk (*Có mặt*).

- Ông Cao Quang D, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý đất đai Sở Tài nguyên và môi trường Đắk Lắk (*Có mặt*).

2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 01 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B (*Vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn Th1, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (*Vắng mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn Th2, sinh năm 1962. Địa chỉ: 184 Đường L, tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có mặt*).

2. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: 112/14 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

3. Bà Trần Tường V, sinh năm 1983; Địa chỉ: 32 đường D, phường Tân A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

5. Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1969; địa chỉ: 186 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

6. Bà Nghiêm Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: 182 Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

7. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 89 đường Y, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là ông Đặng Ngọc H trình bày:

Về nguồn gốc đất của những người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị D:

Năm 1998, bà D có mua của Công ty C Đăk Lăk (sau này là Công ty Chế biến NX Đăk Lăk) vườn cà phê có diện tích 1.815m².

Đến năm 2004, Công ty C phá sản. Các tài sản của Công ty C (bao gồm cả phần diện tích 1.815m² nêu trên) đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk. Bà D đã nộp hồ sơ đấu giá và trúng giá được chính vườn cà phê này. Sau khi trúng đấu giá, bà D đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và đã được bàn giao đất để canh tác từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai. Diện tích mảnh đất theo đo đạc thực tế là 2.086,5m², nay là thửa số 7, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đăk Lăk. Trên đất có một số công trình kiến trúc như tường rào, cửa cổng, hàng rào lưới B40... và các loại cây như cà phê, sầu riêng, tiêu, bơ, mít, đinh lăng....

2. Bà Nguyễn Thị H:

Trước đây bà H là công nhân thuộc Công ty D Đăk Lăk. Trong quá trình công tác, bà H được Công ty giao cho một phần đất để canh tác trồng dâu nuôi tằm. Đến năm 1995, Công ty D giải thể và chuyển giao tài sản cho Công ty C Đăk Lăk. Sau đó Công ty C chuyển đổi sang trồng cây cà phê và bán vườn cà phê cho công nhân chăm sóc, canh tác. Vào năm 1999, bà H có mua lại vườn cà phê diện tích 02 sào của ông Phạm Văn N (là công nhân làm việc tại Công ty C).

Đến năm 2004 Công ty C phá sản. Các tài sản trên danh nghĩa của Công ty bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk. Bà H đã nộp hồ sơ đấu giá và trúng giá chính vườn cà phê này (phần đất có diện tích 2.048m² nay là thửa số 10, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đăk Lăk). Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và đã được bàn giao đất để canh tác, sử dụng từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai.

Vào năm 2011, bà H có chuyển nhượng lại một phần diện tích 130m² cho người khác. Diện tích phần đất còn lại theo đo đạc thực tế là 1.922,5m²; trên đất có các loại cây như cà phê, sầu riêng, bơ....và một số tài sản gắn liền với đất.

3. Ông Lại Hợp Đ:

Năm 1998, ông Đ có nhận chuyển nhượng của Công ty C Đăk Lăk (sau này là Công ty Chế biến NX Đăk Lăk) vườn cà phê có diện tích 2.155,7m².

Đến năm 2004, Công ty C phá sản. Các tài sản của Công ty C (bao gồm cả phần diện tích 2.155,7m² nêu trên) đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk. Ông Đ đã nộp hồ

sơ đấu giá và trúng giá được chính vườn cà phê này (diện tích 2.155,7m² nay là thửa số 16+17+18+49, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi trúng đấu giá, ông Đ đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và đã được bàn giao đất để canh tác từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai. Hiện nay phần đất còn lại của ông Đ theo đo đạc thực tế có diện tích 2.010,8m²; trên đất có một căn nhà tạm khoảng 30m², hầm rút, giếng nước, chuồng heo, sân xi măng, tường rào, trụ cổng và các loại cây như cà phê, sầu riêng, đu đủ...

4. Ông Ngô Văn T:

Năm 2001, ông T có nhận chuyển nhượng của Công ty C Đắk Lắk vườn cà phê 210 cây với diện tích 1.933m² (nay là thửa số 01, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk) theo Quyết định số 101/QĐ-CN ngày 25/12/2001 của Giám đốc Công ty C Đắk Lắk. Ông T đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Công ty và sử dụng, canh tác trên thửa đất từ năm 2001 đến nay và có trồng trọt, xây dựng một số công trình trên đất như giếng nước, sân xi măng, tường rào, hầm rút, bể ủ phân, chuồng gà, chuồng heo, nhà kho... và các cây trồng như cà phê, bơ, sầu riêng.... Hiện nay diện tích đo đạc thực tế của thửa đất là 1.725m².

Đến năm 2004, Công ty C phá sản. Các tài sản của Công ty bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Ông T đã nộp hồ sơ đấu giá và trúng giá được vườn cà phê có diện tích 1.042,3m². Năm 2008, ông T tiếp tục mua của bà Hoàng Thị Nh diện tích đất 1.000m² nữa (bà Nh cũng là người trúng đấu giá). Như vậy, tổng diện tích của thửa đất thứ hai là 2.042,3m² (nay là thửa số 13, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi trúng đấu giá, ông T và bà Nh đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và đã được bàn giao đất để canh tác từ đó đến nay. Phần đất nhận chuyển nhượng lại của bà Nh, ông T sử dụng, canh tác toàn bộ diện tích đất này không xảy ra tranh chấp với ai. Ông T đã xây dựng thêm công trình trên đất như sân xi măng, bể ủ phân và trồng thêm các loại cây khác như cà phê, sầu riêng, tiêu, bơ.... Diện tích thửa đất này theo đo đạc thực tế là 1.939,7m².

5. Bà Phạm Thị M:

Năm 1998, bà Phạm Thúy N có sang nhượng lại cho ông Nguyễn Đình V (bố chồng bà M) vườn cà phê có diện tích 3.000m² (diện tích này do bà N mua của Công ty C cũ, sau này là Công ty Chế biến NX Đắk Lắk).

Năm 2004, Công ty C phá sản. Các tài sản của Công ty C (bao gồm cả phần diện tích 3.000m² nêu trên) đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Bà M đã nộp hồ sơ đấu giá và trúng giá được chính vườn cà phê này. Sau khi trúng đấu giá, bà M đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và đã được bàn giao đất để canh tác từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai. Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.900,8m² nay là thửa số 15, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk; trên đất có các loại cây như cà phê, sầu riêng, bơ....và một số tài sản như tường rào móng xây gạch, cổng sắt, lưới B40.

6. Ông Phạm Văn Th:

Năm 1998, ông Th có mua của Công ty C Đắc Lắc (sau này là Công ty Chế biến NX Đắc Lắc) vườn cà phê với diện tích 2.000m².

Đến năm 2004, Công ty C phá sản. Các tài sản trên của Công ty C (bao gồm cả phần diện tích 2.000m² nêu trên) đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc. Ông Th đã nộp hồ sơ đấu giá và trúng giá được chính vườn cà phê này. Ông Th đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính được bàn giao đất để canh tác từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai. Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.998,5m², nay là thửa số 08, tờ bản đồ 40, địa chỉ: vị trí 1, TDP 12, phường T, TP B, tỉnh Đắc Lắc; trên đất có các loại cây như cà phê, phượng, keo, tiêu, sầu riêng, bơ...

7. Ông Nguyễn Ngọc T:

Khoảng năm 2006, bố ông T là ông Nguyễn Xuân N có nhận chuyển nhượng của ông Ngô Phi P vườn cà phê có diện tích 1.775,3m² với số tiền 70.000.000 đồng (vườn cà phê do bà Phạm Thị N – vợ ông Ngô Phi P trúng đấu giá của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006). Đến năm 2010, do sức khỏe yếu nên bố ông T cho ông T phân đất này để canh tác sử dụng.

Ông T đã canh tác và thu hoạch cà phê trên đất ổn định, không xảy ra tranh chấp với ai. Hiện nay phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.775,3m²; trên đất có một cái giếng và các loại cây như cà phê, sầu riêng, bơ....

Về nội dung yêu cầu:

Vừa qua 07 hộ trên nhận được Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (Khu chăn nuôi cũ 6,2ha – Đợt 1) (sau đây gọi tắt là Quyết định 8728). Theo đó, các hộ dân chỉ được bồi thường đối với vật kiến trúc và một số loại cây trồng trên đất, còn đối với diện tích đất đang quản lý, sử dụng do thuộc trường hợp đất không đủ điều kiện bồi thường căn cứ theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013 nên các hộ không được nhận chi phí đền bù về đất.

Nhận thấy Quyết định 8728 là trái với quy định của pháp luật, bởi lẽ:

- Đối với bồi thường về đất: Nguồn gốc quyền sử dụng đất trên là do các hộ gia đình mua trúng đấu giá năm 2006 và đã được bàn giao đất, sử dụng ổn định từ đó đến nay. Do vậy, phần đất này là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các hộ dân, quyền sử dụng đất này không thuộc trường hợp không được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân TP B thu hồi đất lại cho rằng đất của các hộ dân không đủ điều kiện bồi thường mà không giải thích được là thuộc trường hợp nào Điều 82, không đưa ra được căn cứ chính xác. Vì vậy, căn cứ quy định tại Luật đất đai UBND phải bồi thường 100% giá trị đất bị thu hồi bằng tiền hoặc bằng đất có giá trị tương đương.

- Đối với bồi thường về cây trồng và công trình trên đất:

Hiện nay trên các thửa đất có một số công trình kiến trúc như tường rào, cửa cổng, hàng rào lưới B40, hầm rút, giếng nước... và các loại cây như cà phê, sầu riêng, tiêu, bơ, mít, đinh lăng.... UBND thành phố B cho rằng các tài sản này tạo lập sau ngày có Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nên không đưa những tài sản này vào tính toán chi phí bồi thường. Tuy nhiên từ trước đến nay các hộ gia đình không nhận được quyết định này cũng như không được thông báo gì về việc thu hồi đất. Trong thời gian từ năm 2007 đến khi có Quyết định số 8728/QĐ-UBND các hộ dân đã đầu tư thêm nhiều cây trồng cũng như có thêm công trình xây dựng trên đất. Việc Ủy ban căn cứ vào quyết định này để tính toán bồi thường gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình các hộ dân. Vì vậy, UBND phải bồi thường toàn bộ giá trị cây trồng và tài sản gắn liền với đất tính đến thời điểm các hộ được biết về việc thu hồi đất.

- Hỗ trợ thất nghiệp: Các hộ bị thu hồi toàn bộ diện tích đất; không còn đất để ở và canh tác nữa nên phải thực hiện hỗ trợ thất nghiệp theo quy định của Luật đất đai.

Vì vậy, những người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi đất.

- Hủy một phần Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân. Buộc UBND thành phố B thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi của 07 hộ dân theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Ngày 27/10/1988, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1033/QĐ-UBND về việc chuyển giao Trại heo 30/4 do Công ty thương nghiệp tổng hợp thị xã B đang quản lý cho Công ty C Sở nông nghiệp lương thực tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 06/6/1989, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 487/QĐ-UBND về việc thu hồi 51.585m² đất của Trại heo X cho Công ty C Sở nông nghiệp lương thực tỉnh Đắk Lắk quản lý, sử dụng.

Vào thời điểm năm 2005-2006, Công ty Chế biến NX Đắk Lắk phá sản. Ngày 29/12/2006, Sở Tài nguyên và môi trường có Công văn số 1439/STNMT-QHGD đề nghị UBND tỉnh thu hồi khu đất 48.395,7m² (khu đất Công ty C trước đây) phường T, thành phố B.

Ngày 15/01/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty chế biến NX Đắk Lắk để giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật. Việc ban hành đúng quy định Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Do đó 07 hộ dân yêu cầu hủy Quyết định trên là không có cơ sở, đề nghị bác đơn của người khởi kiện.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND, ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty chế biến NX Đắk Lắk và Quyết định số 5324/QĐ-UBND, ngày 15/8/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đất tại tổ dân phố 12, phường T, thành phố B, Quyết định số 4345/QĐ-UBND, ngày 25/6/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường T, (khu chăn nuôi cũ 6,2 ha).

Ngày 07/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8728/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình. UBND thành phố B xác định:

- Về đất: Các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc mua thanh lý tài sản bán đấu giá tài sản của Công ty C do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức bán (tài sản bán đấu giá của Công ty C Đắk Lắk do phá sản) vào năm 2006. Tài sản bán đấu giá không bao gồm quyền sử dụng đất nên không được bồi thường về đất theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

- Về vật kiến trúc:

Đối với nhà và vật kiến trúc phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng trên đất nông nghiệp không đủ điều kiện bồi thường về đất được hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới.

Đối với nhà và vật kiến trúc không phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân xây dựng trên đất nông nghiệp không đủ điều kiện bồi thường về đất được hỗ trợ bằng 80% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá trị còn lại.

- Về cây trồng:

UBND thành phố căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Mục 5 khoản 9 Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk để tính toán mức bồi thường đối với các loại cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất.

Đối với các loại cây trồng trồng sau Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì không bồi thường, hỗ trợ theo khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của những người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phạm Văn Th1 trình bày: Ông thống nhất quan điểm của đại diện người bị kiện, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Việc ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là thực hiện đúng quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Đối với Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân chưa xem xét bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, chưa hỗ trợ về đất theo mục 2 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk là thiếu sót; Về yêu cầu bồi thường tài sản trên đất được tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 là có căn cứ; Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi của những người khởi kiện. Bác yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, những người khởi kiện: bà Phạm Thị D, bà Nguyễn Thị H, ông Lại Hợp Đ, ông Ngô Văn T, bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Ngọc T, ông Phạm Văn Th yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi đất và một phần Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân; Buộc UBND thành phố B thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi của 07 hộ dân theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 20/12/2021, 07 hộ dân làm đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là đúng thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và những người liên quan vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vụ án.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 94/QĐ-UBND, ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty chế biến NX Đắk Lắk (khu đất của Công ty C trước đây) tại phường T, thành phố B, thấy rằng:

Ngày 27/10/1988, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1033/QĐ-UBND về việc chuyển giao Trại heo X do Công ty thương nghiệp tổng hợp thị xã B đang quản lý cho Công ty C Sở nông nghiệp lương thực tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 06/6/1989, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 487/QĐ-UBND về việc thu hồi 51.585m² đất của Trại heo X cho Công ty C Sở nông nghiệp lương thực tỉnh Đắk Lắk quản lý, sử dụng theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Năm 2006, Công ty chế biến C Đắk Lắk bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên bố phá sản. Trên cơ sở đó, các cơ quan chuyên môn có văn bản tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị thu hồi đất của doanh nghiệp bị phá sản. Ngày 15/01/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty C Đắk Lắk, trong đó có diện tích đất của những người khởi kiện đang sử dụng để giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật.

Xét những người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND là không có căn cứ, bởi lẽ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật đất đai năm 2003, các trường hợp thu hồi đất bao gồm: *“Tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản...”*.

Trong trường hợp này, UBND tỉnh sẽ là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo khoản 1 Điều 44 Luật đất đai năm 2003: *“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo...”*. Đồng thời việc ban hành tuân theo trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thi hành Luật đất đai:

“2. Việc thu hồi đất của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nay bị giải thể, phá sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải thể, phá sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có đất tiến hành thẩm tra, xác minh thực địa trong trường hợp xét thấy cần thiết; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất;

b) Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xem xét, ký và gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định thu hồi đất.”

Những người khởi kiện không đưa ra được lý do yêu cầu hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân, thì thấy rằng:

[4.1] Về nguồn gốc đất: Theo những người khởi kiện trình bày, nguồn gốc các diện tích đất bị thu hồi là do nhận chuyển nhượng vườn cà phê của Công ty C Đắk Lắk (sau này là Công ty Chế biến NX Đắk Lắk) theo hình thức nhận giao khoán. Đến năm 2006, Công ty C phá sản. Các tài sản của Công ty đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. 07 hộ dân đã nộp hồ sơ đấu giá và trúng đấu giá chính các vườn cây các hộ đang sử dụng. Tuy nhiên, việc bán đấu giá chỉ bao gồm khu nhà làm việc, trại heo, vườn cà phê của Công ty mà không bao gồm quyền sử dụng đất. Điều này được ghi rõ trong Quyết định bán đấu giá. Hơn nữa, sau khi trúng đấu giá các bên đã tiến hành giải quyết bù trừ nghĩa vụ của Hợp đồng liên kết trồng cà phê từ năm 1998 giữa Công ty Chế biến NX Đắk Lắk với các hộ dân, các bên tính toán, giải quyết việc đình chỉ hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại Điều 48 Luật phá sản năm 2004, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên. Do vậy, người khởi kiện cho rằng đã mua trúng đấu giá quyền sử dụng đất và có quyền sử dụng hợp pháp phần đất này là không có căn cứ xem xét.

Tại Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ xác định những người khởi kiện không đủ điều kiện bồi thường về đất theo khoản 3 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 là có căn cứ. Tuy nhiên UBND thành phố không nêu rõ thuộc trường hợp nào tại Điều 82 là thiếu sót dẫn đến thắc mắc của người dân nên cần bổ sung, đính chính cụ thể.

[4.2] Theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk, tại mục 2 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 quy định:

“Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;”.

Các hộ dân đã sử dụng đất liên tục từ trước khi Công ty Chế biến NX Đắc Lắc tuyên bố phá sản cho đến nay nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất, không được hưởng các hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai, không thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường, công ty nông lâm nghiệp nên theo quy định trên họ được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng tùy thuộc vào thời gian sử dụng đất. Do đó, việc UBND thành phố B không xem xét hỗ trợ về đất cho các hộ dân là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ dân, cần bổ sung nội dung này trong phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân.

[4.3] Về bồi thường tài sản trên đất:

Kể từ khi có Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắc Lắc về việc thu hồi đất của Công ty Chế biến NX Đắc Lắc, đến năm 2020, UBND thành phố B mới ban hành thông báo thu hồi đất đối với từng thửa đất cho người có đất bị thu hồi là vi phạm quy định tại Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

“1. Việc ra quyết định thu hồi đất được thực hiện như sau:

c) Trường hợp khu đất bị thu hồi vừa có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, vừa có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi chung đối với toàn bộ các thửa đất trên khu đất và ra quyết định thu hồi đối với từng thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của mình;

d) Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi từng thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của mình.

...

3. Quyết định thu hồi đất phải được gửi đến người có đất bị thu hồi và được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được quyết định đến thời điểm kết thúc việc thu hồi.”

Trong khi đó, Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 không được gửi cho các hộ dân, không được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian thu hồi đất. Điều này dẫn đến việc các hộ dân không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất đến khi được thông báo. Quá trình sử dụng đất, các hộ dân cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản gồm cây trồng và vật kiến trúc trên đất mà các hộ dân tạo lập thêm trong giai đoạn từ năm 2007 (khi có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh) đến khi có thông báo thu hồi đất của UBND thành phố đều hợp pháp và được bồi thường theo khoản 1 Điều 88 Luật đất đai năm 2013, mục 4 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Việc UBND thành phố xác định các tài sản này được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất nên không được bồi thường theo khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 là không phù hợp.

[4.4] Về các hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ tái định cư: Diện tích đất của 07 hộ dân sử dụng có nguồn gốc nhận khoán của Công ty C nhưng đã được thanh lý hợp đồng tại thời điểm tuyên bố phá sản năm 2006, sau đó quyền sử dụng đất được nhà nước thu hồi lại, còn vườn cà phê được bán đấu giá cho chính các chủ cũ và họ vẫn sử dụng, canh tác từ đó đến nay nên không có cơ sở bồi thường về đất cũng như được hưởng các hỗ trợ này. Các hộ chỉ canh tác trên đất chứ không sinh sống ổn định trên đất nên không thuộc trường hợp hỗ trợ tái định cư. Mặt khác, người khởi kiện cũng đã được xem xét hỗ trợ về đất như đã nhận định tại mục [4.1] trên cơ sở vận dụng quy định có lợi hơn cho người khởi kiện.

[4.5] Từ những nhận định trên, nhận thấy việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ dân có một số nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật như không hỗ trợ về đất theo mục 2 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk; không bồi thường cây trồng, vật kiến trúc trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021. Buộc UBND thành phố B thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi của 07 hộ dân theo nội dung đã phân tích ở phần trên.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện chấp nhận một phần nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; Điều 144; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 131 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thi hành Luật đất đai; Khoản 3 Điều 82, khoản 1 Điều 88 Luật đất đai năm 2013; Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Mục 2, mục 4 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm: Bà Phạm Thị D, bà Nguyễn Thị H, ông Lại Hợp Đ, ông Ngô Văn T, bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn Th, ông Nguyễn Ngọc T về việc: Hủy một phần Quyết định số 8728/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ nêu trên.

Buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi của 07 hộ dân theo hướng: Bổ sung nội dung hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng (quy định tại Mục 2 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk), đưa tài sản là cây trồng, vật kiến trúc trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk vào tính toán bồi thường cho 07 hộ dân.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND, ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty chế biến NX Đắk Lắk (khu đất của Công ty C trước đây) tại phường T, thành phố B.

3. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố B phải phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) cho mỗi người khởi kiện gồm: Ông Nguyễn Ngọc T tại biên lai số 60AA/2021/0009984, bà Phạm Thị D tại biên lai số 60AA/2021/0009983, bà Nguyễn Thị H tại biên lai số 60AA/2021/0009982, ông Lại Hợp Đ tại biên lai số 60AA/2021/0009981, ông Ngô Văn T tại biên lai số 60AA/2021/0009980, bà Phạm Thị M tại biên lai số 60AA/2021/0009979, ông Phạm Văn Th tại biên lai số 60AA/2021/0009978 đều cùng ngày 28/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng

mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Kim Khánh